

Số: 221/QĐ-SNV

Hải Dương, ngày 31 tháng 10 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm 2023

### GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hội, quỹ cấp tỉnh và người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 04/1/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Nội vụ;

Thực hiện Kế hoạch số 3331/KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập năm 2023.

Theo đề nghị của UBND huyện Bình Giang tại Công văn số 787/UBND-NV ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập huyện Bình Giang năm 2023..

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong 15 trường trung học cơ sở công lập và 02 trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở thuộc UBND huyện Bình Giang vào chức danh nghề nghiệp Giáo viên Trung học cơ sở hạng II (V.07.04.31) và được hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới kể từ ngày 01/11/2023.

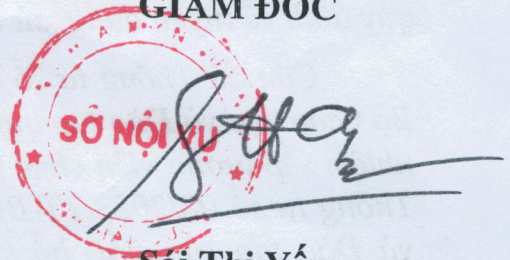
(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Bình Giang; Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở công lập và trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở thuộc UBND huyện Bình Giang; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Phòng Nội vụ - UBND huyện Bình Giang;
- Lưu: VT, CCVC.

GIÁM ĐỐC



Sái Thị Yên

**SƠ DANH SÁCH VIÊN CHỨC BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ HẠNG II (V.07.04.31)**  
(Theo Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 và Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khởi THCS: Trường THCS Tân Hồng

(Kèm theo Quyết định số 221/QĐ-SNV ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Sở Nội vụ)

STT	Họ và tên CBQL, GV	Đơn vị	Chức vụ hiện tại	Trình độ, chuyên ngành đào tạo hiện tại		Chức danh nghề nghiệp (CDNN) và lương hiện hưởng										Bổ nhiệm CDNN và xếp lương theo Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT.			
				Trình độ chuyên môn cao nhất	Chuyên ngành đào tạo	Mã số	Thời gian giữ hạng CDNN hiện tại và tương đương	Viên chức loại	Bậc lương	Hệ số lương hiện hưởng	Thời điểm nâng lương lần sau	Hạng chức danh nghề nghiệp GV	Bổ nhiệm Hạng và CDNN			Thời gian hưởng lương ở hạng CDNN mới	Thời gian tính bậc lương lần sau		
													Hạng chức danh nghề nghiệp GV	Mã số	Viên chức loại			Bậc lương	Hệ số lương
1	Đặng Thị Vân	THCS Tân Hồng	Hiệu trưởng	ĐH	Văn học	V.07.04.11	18 năm 01 tháng	A1	9	4,98+7%	01/03/2023	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	5	5.36	01/11/2023	01/11/2023	
2	Phạm Văn Bình	THCS Tân Hồng	Phó Hiệu trưởng	Ths. ĐH	QLGD; Toán học	V.07.04.11	18 năm 01 tháng	A1	9	4.98	01/12/2021	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	4	5.02	01/11/2023	01/12/2021	
3	Vũ Thị Hải	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	SP Vật Lý	V.07.04.11	11 năm 0 tháng	A1	4	3.33	01/09/2021	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/11/2023	
4	Nhữ Văn Thành	THCS Tân Hồng	Giáo viên	Thạc sĩ	SP Hóa học	V.07.04.11	14 năm 0 tháng	A1	8	4.65	01/11/2022	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	3	4.68	01/11/2023	01/11/2022	
5	Vũ Đăng Hòa	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	Thế dục	V.07.04.11	16 năm 8 tháng	A1	8	4.65	01/11/2022	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	3	4.68	01/11/2023	01/11/2022	
6	Vũ Thị Hạnh	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	Ngữ văn	V.07.04.11	18 năm 01 tháng	A1	8	4.65	01/11/2022	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	3	4.68	01/11/2023	01/11/2022	
7	Vũ Thị Đào	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	Ngữ văn	V.07.04.11	12 năm 0 tháng	A1	6	3.99	01/06/2022	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	1	4.00	01/11/2023	01/06/2022	
8	Phạm Văn Dược	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	SP Lịch sử	V.07.04.11	16 năm 10 tháng	A1	8	4.65	01/05/2022	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	3	4.68	01/11/2023	01/05/2022	
9	Nguyễn Thị Uyên	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	Lịch sử	V.07.04.11	18 năm 01 tháng	A1	7	4.32	01/3/2022	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	2	4.34	01/11/2023	01/3/2022	
10	Vũ Trọng Thuận	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	SP Địa lí	V.07.04.11	15 năm 9 tháng	A1	8	4.65	01/12/2021	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	3	4.68	01/11/2023	01/12/2021	
11	Vũ Đình Hào	THCS Tân Hồng	Giáo viên	ĐH	SP Âm nhạc	V.07.04.11	12 năm 8 tháng	A1	7	4.32	01/03/2021	GVTHCS Hạng II	V.07.04.31	A2.2	2	4.34	01/11/2023	01/03/2021	